

BẢO VỆ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA VÀ SỰ TOÀN VỆN LÃNH THỔ

Luật Sư NGUYỄN HỮU THỐNG

*Theo Phụ Đính Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền ngày 9-12-1998, Liên Hiệp Quốc thừa nhận sự quan trọng của cuộc hợp tác quốc tế nhằm loại trừ hữu hiệu các vi phạm nhân quyền và những quyền tự do cơ bản của các dân tộc và các cá nhân trong đó phải kể đến những vi phạm tập thể, thô bạo và có hệ thống bắt nguồn từ sự kỳ thị chủng tộc, từ chế độ thực dân, đô hộ hay **chiếm đóng**, sự gây hấn hay **đe dọa chủ quyền quốc gia** và **sự toàn vẹn lãnh thổ** do sự phủ nhận quyền **dân tộc tự quyết** và quyền của các dân tộc và các cá nhân được **hành sử đầy đủ chủ quyền của họ đối với tài nguyên và nguồn lợi thiên nhiên của đất nước**.*

BÌNH GIẢI VỚI ÔNG TẬP CẬN BÌNH VỀ CÔNG PHÁP QUỐC TẾ

Mới đây, các học giả trong Viện Nghiên Cứu Chính Sách Hoa Kỳ đã phê phán *chính sách bá quyền của Trung Quốc là Chính Sách Phát Xít Cổ Điển. (Beijing Embraces Classical Fascism).*

Thay vì tiếp thu chủ nghĩa đa nguyên, đa đảng theo sự mong đợi của mọi người, giới lãnh đạo Trung Quốc càng ngày càng trở nên giáo điều và bảo thủ. Cũng như tại Ý Đại Lợi, 50 năm sau Cách Mạng Phát Xít, Mussolini đã chết nhưng Nhà Nước Ý vẫn giữ chế độ độc tài và chủ yếu vẫn đàn áp chính trị. Để biện minh cho chế độ, họ thường xuyên nêu lên quan hệ về sự vinh quang cổ xưa của “Dân Tộc Ý Vĩ Đại”. Từ thế kỷ thứ nhất Đế Quốc La Mã đòi chủ quyền lãnh thổ toàn vùng Biển Địa Trung Hải chạy từ Tây Âu (Tây Ban Nha) qua Tây Á (Thổ Nhĩ Kỳ). Họ gọi đó là biên lịch sử hay *Biển Của Chúng Tôi* (Mare Nostrum, Our Sea).

Ngày nay, phỏng theo Chủ Nghĩa Phát Xít Cổ Điển Ý, Bắc Kinh cũng đề xướng “Dân Tộc Hán Vĩ Đại” nhằm phục hồi Đế Quốc Đại Hán.

Chủ trương cố hữu của Bắc Kinh được quy định như sau: Những lãnh thổ trước kia đã được Trung Quốc chinh phục và khai hóa nay phải trả về cho (Trung Quốc) văn minh chứ không thể thuộc về phe (Đế Quốc) dã man.

Trong Chiến Tranh Biên Giới Ấn-Hoa năm 1962 Trung Quốc đòi chủ quyền vùng biên giới Ấn Độ rộng 90 ngàn cây số vuông thuộc tiểu bang Arunachal Pradesh phía Đông Bắc.

Chính Sách Bá Quyền được phổ biến năm 1954 trong cuốn “*Lược Sử Tân Trung Quốc*” có kèm theo bản đồ và lời tuyên bố của Mao Trạch Đông: “Tất cả các lãnh thổ và

hải đảo thuộc khu vực ảnh hưởng của Trung Quốc đã từng bị phe các Đế Quốc Tây Phương và Nhật Bản chiếm đoạt từ giữa thế kỷ 19 đến sau Thế Chiến I, như *Ngoại Mông, Triều Tiên, “An Nam”, Mã Lai, Thái Lan, Miến Điện, Bhutan, Nepal, Hồng Kông, Macao, cùng những đảo Thái Bình Dương như Đài Loan, Ryukyu, Sakhalin, phải được giao hoàn cho Trung Quốc*”.

Hiện nay, tại vùng Biển Đông Nam Á, *rập theo tham vọng của Đế Quốc La Mã* hồi thế kỷ thứ nhất coi Địa Trung Hải là Biển Lịch Sử La Mã, Bắc Kinh cũng đưa ra thuyết *Biển Lịch Sử hay Đường Lưỡi Bò Chín Đoạn* và coi đó là mục tiêu chiến lược từ 1955, nhất là từ khi Trung Quốc ký Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển tại Montego Bay, Jamaica ngày 10-12-1982. Công Ước này đã được phê chuẩn để có hiệu lực chấp hành từ năm 1994.

Tuy nhiên thuyết Biển Lịch Sử ngày nay đã lỗi thời. Nó đi trái những điều khoản của Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển và đi trái Luật Tục Lệ Quốc Tế của Tòa Án Công Lý Quốc Tế The Hague.

Theo Công Pháp Quốc Tế

Chiếu Điều 76 Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển các quốc gia duyên hải được hưởng quy chế Thềm Lục Địa 200 hải lý (370km) để thăm dò và khai thác dầu khí. Đây là *chủ quyền chuyên biệt* (sovereign exclusive right), không tùy thuộc vào điều kiện phải có sự chiếm hữu, khai phá hay tuyên bố minh thị (occupation, exploration or assertion of right). Mọi sự tự tiện chiếm cứ của ngoại bang dầu có võ trang hay không đều bất hợp pháp, vô giá trị và vô hiệu lực (các Điều 77 và 81).

Về mặt *địa lý*, tại quần đảo Hoàng Sa, đảo Tri Tôn chỉ cách Quảng Ngãi 135 hải lý, và đảo Hoàng Sa chỉ cách lục địa Việt Nam 160 hải lý. Vì vậy *quần đảo Hoàng Sa nằm trong Thềm Lục Địa 200 hải lý của Việt Nam*.

Về mặt *địa chất*, các chuyên gia quốc tế như Tiến Sĩ Khoa Học Armand Krempf, Giám Đốc Viện Hải Học Đông Dương, sau 2 năm nghiên cứu, đo đạc và vẽ bản đồ các hải đảo và đáy biển, đã lập phúc trình kết luận rằng: “*Về mặt địa chất, các đảo Hoàng Sa là thành phần của Việt Nam*”. (*Geologiquement les Paracels font partie du Vietnam*). *Về địa hình đáy biển Hoàng Sa là một cao nguyên chìm dưới đáy biển nối tiếp lục địa Việt Nam*.

Vì đáy biển Hoàng Sa là sự tiếp nối tự nhiên của lục địa Việt Nam từ đất liền kéo dài ra ngoài biển nên chiếu Điều 76 Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển, Việt Nam có triển vọng được Ủy Ban Định Ranh Thềm Lục Địa Liên Hiệp Quốc cho mở rộng

Thềm Lục Địa Pháp Lý 200 hải lý (370km) thành Thềm Lục Địa Địa Chất hay Thềm Lục Địa Mở Rộng có thể đến 350 hải lý (650km).

Trong khi đó từ Hoàng Sa về lục địa Trung Hoa có một rãnh biển sâu tới 2,300m. Như vậy về mặt địa chất và địa hình đáy biển, Hoàng Sa không phải là sự tiếp nối tự nhiên của lục địa Trung Hoa từ đất liền ra ngoài biển. Trong trường hợp này Trung Hoa không được hưởng quy chế Thềm Lục Địa Mở Rộng. (Extended Continental Shelf).

Tại *Trường Sa* cũng vậy, tại Bãi Thanh Long Tứ Chính, nơi khai thác dầu khí, độ sâu chỉ tới 400m, và tại đảo Trường Sa độ sâu chỉ tới 200m. Như vậy về mặt địa chất và địa hình đáy biển, cũng như Hoàng Sa, *các đảo Trường Sa là sự tiếp nối tự nhiên của lục địa Việt Nam từ đất liền ra ngoài biển*. Theo quan điểm của các *Luật Sư Covington và Burling* trong Bản Tường Trình ngày 19-6-1995 gửi Chính Phủ Việt Nam, *quần đảo Trường Sa có triển vọng được hưởng quy chế Thềm Lục Địa Mở Rộng đến mức tối đa 350 hải lý*.

Trong khi đó từ Trường Sa về bờ biển Quảng Đông có một rãnh biển sâu tới 4,550m. Như vậy các đảo Trường Sa không phải là sự tiếp nối tự nhiên của lục địa Trung Hoa từ đất liền ra ngoài biển. Và Trung Quốc không được hưởng quy chế Thềm Lục Địa Mở Rộng 350 hải lý. Dầu sao, trong mọi trường hợp, khoảng cách từ Hoa Lục tới đảo Trường Sa là 750 hải lý (quá xa tầm 350 hải lý Thềm Lục Địa Mở Rộng nếu có).

Hơn nữa, về mặt *địa lý*, Bãi Thanh Long Tứ Chính và đảo Trường Sa chỉ cách lục địa Việt Nam từ 150 đến 220 hải lý. Trong khi đó *quần đảo Trường Sa cách lục địa Trung Hoa từ 550 đến 800 hải lý nên không nằm trong thềm lục địa Trung Hoa*.

Ngày 14-7-1995 nhân danh Chủ Tịch Hội Luật Gia Việt Nam tại California người viết bài này đã gửi văn thư cho 7 vị nguyên thủ quốc gia trong Hiệp Hội Các Quốc Gia Đông Nam Á (ASEAN) *yêu cầu các quốc gia duyên hải Biển Đông Nam Á đưa vụ tranh chấp ra trước Tòa Án Liên Hiệp Quốc về Luật Biển hay Tòa Án Công Lý Quốc Tế The Hague để phân định chủ quyền các hải đảo và các vùng hải phận của các quốc gia duyên hải. Đồng thời đổi danh xưng Biển Nam Hoa thành Biển Đông Nam Á*. Vì Biển Nam Hoa có thể được giải thích sai lầm là biển của nước Trung Hoa về phía nam.

Trong Bản Tường Trình nộp tại Ủy Ban Phân Định Thềm Lục Địa Liên Hiệp Quốc ngày 11- 5-2009, Chính Phủ Bắc Kinh cố tình đề cập đến *hải phận* trên bản đồ Đường Lưỡi Bò Chín Đoạn mà họ gọi là Biển Lịch Sử. Chứ không vẽ Thềm Lục Địa Mở Rộng theo các tiêu chuẩn luật định về khoa học và kỹ thuật như Quy Chế Liên Hiệp Quốc đòi hỏi. Do đó Ủy Ban Định Ranh Thềm Lục Địa đã bác bỏ không cứu xét đơn thỉnh nguyện năm 2009 của Bắc Kinh.

Lưỡi Ròng Trung Quốc

Lưỡi Ròng Trung Quốc (mà dân gian gọi là Lưỡi Bò) chiếm 80% hải phận Biển Đông Nam Á. Nó nằm sát bờ biển các quốc gia duyên hải, chỉ cách Quảng Ngãi 40 hải lý, và cách Phi Luật Tân và Mã Lai 25 hải lý. Như vậy nó tước đoạt ít nhất 160 hải lý của Thềm Lục Địa Việt Nam, và 175 hải lý của các Thềm Lục Địa Phi Luật Tân và Mã Lai. Đây hiển nhiên là sự vi phạm thô bạo Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển dành chủ quyền chuyên biệt cho các quốc gia duyên hải như Việt Nam, Phi Luật Tân, Mã Lai được hưởng tối thiểu 200 hải lý Thềm Lục Địa Pháp Lý để thăm dò và khai thác dầu khí.

Theo Học Giả Mark J. Valencia tại Viện Hải Học Đông Tây Hawaii (East-West Institute) yêu sách của Trung Quốc về Biển Lịch Sử không được Luật Pháp và Tòa Án chấp nhận. Ngày nay càng ngày dư luận quốc tế càng phê phán và chế giễu Lưỡi Ròng Trung Quốc là khô hải và lỗ bịch (China's claim is being increasingly criticized and even ridiculed: China and the South China Sea Disputes, Mark J. Valencia, Oxford University Press. October 1995).

Mặc dầu vậy, từ 1955, để phục hồi Chủ Nghĩa Bá Quyền, Bắc Kinh lại nêu lên thuyết Biển Lịch Sử để đòi chủ quyền lãnh thổ tại vùng hải phận và các hải đảo Hoàng Sa Trường Sa. Họ cho đó là một vấn đề “*bất khả tranh nghị*”.

Về điểm này chúng ta nhấn nhủ nhà cầm quyền Bắc Kinh rằng: *Trong thế kỷ này và dưới vòm trời này, không có điều gì, việc gì, hay vấn đề gì là bất khả tranh nghị!* Về mặt tinh thần, văn hóa, pháp lý và đạo lý, Trung Quốc không thể nói một đằng làm một nẻo. Họ phải tôn trọng danh dự quốc gia và chữ ký của họ trong các Công Ước Quốc Tế. Họ phải chấp nhận công khai hóa vụ tranh chấp và phải đưa ra trước thanh thiên bạch nhật những tài liệu và quan điểm cho biết tại sao và căn cứ vào đâu mà đòi tước đoạt chủ quyền lãnh thổ của các quốc gia Đông Nam Á tại các thềm lục địa như đã quy định trong Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển năm 1982 mà Trung Quốc đã ký kết tham gia với tư cách một trong Ngũ Cường hội viên thường trực Hội Đồng Bảo An? Nếu không đưa ra sự giải thích hợp lý và các cơ sở pháp lý thì Trung Quốc vẫn chỉ là kẻ sử dụng Luật Rừng Xanh Mạnh Được Yếu Thua. Để tước đoạt 4/5 Thềm Lục Địa Pháp Lý của Việt Nam, đồng thời tước đoạt 7/8 Thềm Lục Địa Pháp Lý của Phi Luật Tân và Mã Lai.

Hơn nữa, chiếu các Điều 77 và 81 Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển, chủ quyền của các quốc gia duyên hải tại Thềm Lục Địa có tính tuyệt đối và chuyên biệt. Bất cứ sự xâm phạm nào của ngoại bang *dẫu là xâm chiếm võ trang hay không võ trang cũng đều bất hợp pháp, vô giá trị và vô hiệu lực.* Cũng như việc Nhật Bản đã chiếm cứ bất hợp

pháp các hải đảo và hải phận tại Hoàng Sa và Trường Sa thời Thế Chiến II từ 1938 đến 1945.

Chắc hẳn Trung Quốc cũng hay biết rằng ***Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển 1982 là một văn kiện chính sử mà các quốc gia hội viên Liên Hiệp Quốc đã ký kết có nghĩa vụ phải tôn trọng và thực thi.***

Ngoài Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển 1982, còn có rất nhiều tài liệu lịch sử rút ra từ chính sử Trung Quốc theo đó chủ quyền của Việt Nam tại các hải đảo Hoàng Sa Trường Sa đã được thừa nhận bởi các quốc gia trên thế giới kể cả *Trung Quốc*.

Tuyên Cáo Cairo 1943

Trong khi Thế Chiến II còn đang tiếp diễn, năm 1943, ba cường quốc đồng minh đại diện bởi Tổng Thống Hoa Kỳ Roosevelt, Thủ Tướng Anh Churchill và Tổng Thống Trung Hoa Dân Quốc Tưởng Giới Thạch đã hội nghị tại Cairo (Ai Cập), và đã ký Tuyên Cáo Cairo ngày 27-11-1943 trong đó có đoạn như sau:

“Đối tượng của các quốc gia đồng minh là tước bỏ quyền của Nhật Bản trên tất cả các lãnh thổ và hải đảo tại Thái Bình Dương mà Nhật đã cưỡng chiếm từ khi khởi sự Thế Chiến I. Tất cả các lãnh thổ và hải đảo mà Nhật Bản đã chiếm đoạt của nhân dân Trung Hoa như *Mãn Châu, Đài Loan và Bành Hồ* sẽ phải giao hoàn cho Trung Hoa Dân Quốc”. Điều đáng lưu ý là, tại Hội Nghị Cairo Tổng Thống Tưởng Giới Thạch *không đòi Hoàng Sa và Trường Sa*. Và như vậy *đã khước từ chủ quyền tại hai quần đảo này*. (U. N. Treaty Series, American Policy 1950-1955)

Theo công pháp quốc tế Tuyên Cáo Cairo 1943 là một hiệp ước quốc tế tạo nên những nghĩa vụ quốc tế áp dụng cho các quốc gia liên hệ. Nó có hiệu lực cưỡng hành đối với Trung Quốc, đầu là Trung Hoa Dân Quốc hay Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc là quốc gia kế thừa chủ quyền. Đặc biệt là, *trong hiện vụ*, ngày 4-12-1950, *Chu Ân Lai*, lúc này là ngoại trưởng, cũng đã tuyên bố tán thành Bản Tuyên Cáo Cairo 1943 là văn kiện lịch sử quốc tế mà Hoa Kỳ, Anh Quốc và Trung Quốc đã ký kết để làm căn bản cho Hòa Ước với Nhật Bản (Hòa Ước San Francisco ngày 8-9-1951). (Chou En Lai's Statement on the Peace Treaty with Japan. People's China, 12-16-1950).

Hội Nghị Hòa Bình San Francisco 1951.

Năm 1951, 51 quốc gia đồng minh họp Hội Nghị để ký Hòa Ước Cựu Kim Sơn ngày 8-9-1951. Mục đích để chấm dứt tình trạng chiến tranh, phục hồi và tái thiết Nhật Bản nhằm xây dựng hòa bình thế giới trong tinh thần hòa giải, hợp tác và hữu nghị theo tôn chỉ của Hiến Chương Liên Hiệp Quốc.

Ngày 12-7-1951 Ban Tổ Chức Hội Nghị San Francisco phổ biến bản Dự Thảo Hòa Ước trong đó Điều 2 về Lãnh Thổ (Territory) đề cập đến những vấn đề chủ yếu như sau:

- Nhật Bản khước từ chủ quyền tại đảo *Đài Loan* và quần đảo *Bành Hồ* [để giao hoàn cho *Trung Quốc*].
- Nhật Bản khước từ chủ quyền tại các quần đảo *Hoàng Sa* và *Trường Sa* [để giao hoàn cho *Việt Nam*].

Đây là một quyết định hợp lý.

Ngày 5-9-1951, trong phiên Khoáng Đại thứ 5, Ngoại Trưởng Liên Xô Andrei Gromyko đệ trình Tu Chính Án yêu cầu Hội Nghị trao Hoàng Sa và Trường Sa (mà họ gọi là Tây Sa và Nam Sa) cho Trung Quốc. Tuy nhiên *Tu Chính Án này đã bị Hội Nghị bác bỏ với 46 phiếu chống, 3 phiếu thuận và 1 phiếu trắng.*

Ngày 7-9-1951, trong phiên Khoáng Đại thứ 7, Thủ Tướng kiêm Ngoại Trưởng *Trần Văn Hữu*, Trưởng Phái Đoàn Quốc Gia Việt Nam lên diễn đàn công bố chủ quyền của Việt Nam tại các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa và không gặp sự phản kháng nào của 50 quốc gia tham dự Hội Nghị (kể cả Liên Xô).

Với sự công bố chủ quyền của Việt Nam về Hoàng Sa Trường Sa trước 50 quốc gia hội viên Liên Hiệp Quốc tham dự Hội Nghị San Francisco 1951, chúng ta khẳng định rằng: *Từ 1951 các Quần Đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã được các quốc gia trên thế giới thừa nhận thuộc chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam, chứ không thuộc chủ quyền của Trung Quốc.*

Hiệp Định Geneva 1954

Tháng 7-1954, để giải quyết Chiến Tranh Đông Dương, Hội Nghị Geneva được triệu tập với sự tham dự của 9 quốc gia gồm Ngũ Cường Mỹ, Anh, Pháp, Liên Xô và *Trung Quốc*, cùng Ai Lao, Cao Miên và 2 nước Việt Nam là Quốc Gia Việt Nam (Miền Nam) và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (Miền Bắc). Hiệp Định Geneva ngày 20-7-1954 một lần nữa, đã minh thị xác nhận chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa (lúc này là Quốc Gia Việt Nam) tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Thật vậy Điều 4 Hiệp Định Geneva 1954 quy định như sau:

“Giới tuyến giữa Miền Bắc và Miền Nam Việt Nam (Vĩ Tuyến 17) kéo dài ra ngoài hải phận theo một đường thẳng góc với đường ven biển.

“Lực lượng Liên Hiệp Pháp (gồm có Quốc Gia Việt Nam, Pháp và đồng minh) phải rút khỏi tất cả các hải đảo tại phía Bắc giới tuyến (Vĩ Tuyến 17).

“*Quân đội Nhân Dân Việt Nam (Bắc Việt) phải rút khỏi tất cả các hải đảo phía Nam giới tuyến*” (Vĩ Tuyến 17) nơi tọa lạc các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (từ Vĩ Tuyến 17 đến Vĩ Tuyến 7, từ Quảng Trị xuống Nam Cà Mau). Do đó chiếu Hiệp Định Geneva 1954, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hòa. (Từ 1955 Quốc Gia Việt Nam thay đổi chính thể và lấy quốc hiệu là Việt Nam Cộng Hòa).

Vì Bắc Việt không có chủ quyền lãnh thổ từ Vĩ Tuyến 17 vào Nam, nên không có tư cách để chuyển nhượng Hoàng Sa Trường Sa cho Trung Quốc. Hậu quả là Công Hàm Phạm Văn Đồng gửi Chu Ân Lai ngày 14-9-1958 không có giá trị và không có hiệu lực pháp lý. Theo Điều 12 Tuyên Cáo ngày 21-7-1954 “*Trong quan hệ với Việt Nam, các quốc gia tham dự Hội Nghị Geneva 1954 cam kết tôn trọng nền độc lập, chủ quyền quốc gia và sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam*”. Vì Chu Ân Lai đã hướng dẫn phái đoàn tham dự Hội Nghị Geneva 1954 nên không thể quên Điều 12 Tuyên Cáo nói trên.

Căn cứ vào những tài liệu lịch sử nói trên, Trung Quốc đã ý thức sự yếu kém của họ về cả ba mặt pháp lý, địa lý và lịch sử. Do đó họ không bao giờ dám công khai thảo luận về vấn đề tranh chấp chủ quyền các hải đảo và hải phận tại Biển Đông Hải. Họ thường tránh né và cho đó là một vấn đề *bất khả tranh nghị*. Lý do là vì họ không có tài liệu hay lý lẽ gì để đưa ra tranh nghị công khai dưới thanh thiên bạch nhật trong tinh thần chính đại quang minh. Tất cả lý lẽ và lập trường của Trung Quốc chỉ thu gọn trong câu: “*Biển Nam Hoa là Biển Lịch Sử của Trung Quốc*”. Theo các luật gia và chuyên viên hải học trên thế giới, thuyết Biển Lịch Sử của Đế Quốc Đại Hán đã lỗi thời và lạc hậu.

Kể từ 1982, vấn đề Biển Lịch Sử đã được giải quyết chung thẩm bởi **Điều 8 Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển**:

“Tòa Án Quốc Tế The Hague định nghĩa *Biển Lịch Sử là Nội Hải*, nghĩa là vùng biển tọa lạc trên đất liền về phía bên trong đường cơ sở (ranh giới) của *Biển Lãnh Thổ (12 hải lý)*. Theo Tòa Án Quốc Tế: “*Biển Lịch Sử hay nội hải của một quốc gia nằm bên trong đất liền về phía bên trong đường cơ sở của biển lãnh thổ*”. (The International Court of Justice has defined “historic waters” as “internal water” (Fishery cases UK vs. Norway, 1951, I. C. J. 116, 130); “Waters on the landward side of the baseline of the territorial sea form part of the internal water of the State” (Art. 8 LOS Convention 1982). Vì vậy *Biển Nam Hoa chỉ được coi là ngoại hải, chạy từ bờ biển Trung Hoa đến bờ biển Nam Dương, và rộng tới 2000 cây số. Lẽ dĩ nhiên nó không phải là Biển Lịch Sử hay Thềm Lục Địa của Trung Hoa.*

Đổi Mới hay Chiến Thuật Giai Đoạn?

Một vấn đề thời sự đáng lưu ý là ngày 14-12-2012 Trung Quốc đệ nạp Liên Hiệp Quốc hồ sơ đăng ký chủ quyền tại Đông Trung Quốc Hải (Biển Hoa Đông) nhân vụ tranh chấp chủ quyền các hải đảo Điếu Ngư (Diaoyu) hay Senkaku tiếp giáp Okinawa của Nhật Bản.

Trong vụ này *Bắc Kinh cũng viện dẫn Điều 76 Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển* đòi chủ quyền lãnh thổ Điếu Ngư vì cho rằng đảo này tọa lạc trong Thềm Lục Địa 200 hải lý tại Biển Hoa Đông. Điểm đặc biệt là trong suốt thời gian 3 thập niên (từ tháng 12-1982 khi Trung Quốc ký Công Ước đến tháng 12-2012 khi đăng ký chủ quyền hải đảo Điếu Ngư) chưa bao giờ Trung Quốc thừa nhận, tôn trọng hay thi hành Công Ước.

Với sự chấp chính của Tập Cận Bình, tự nhận là đại diện cho phe đổi mới và trọng pháp, những người am tường sách lược Cộng Sản vẫn hoài nghi cho rằng Trung Quốc phát động mặt trận pháp lý như một *mục tiêu lạc hướng* nhằm xoa dịu những bất mãn của quần chúng và những khó khăn nan giải của chế độ.

Trong trường hợp Bắc Kinh yêu cầu Liên Hiệp Quốc áp dụng Điều 76 Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển cho vụ tranh chấp tại các đảo Điếu Ngư trong Biển Đông Trung Hoa thì họ cũng phải tôn trọng và áp dụng Điều 76 Luật Biển cho các Quần Đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong Biển Đông Nam Á.

Và Như Vậy Là Công Lý.

Luật Sư NGUYỄN HỮU THỐNG

ỦY BAN LUẬT GIA BẢO VỆ DÂN QUYỀN

* Trong những kỳ tới:

Bình Giải Với Ông Tập Cận Bình

Về Hoàng Sa-Trường Sa Theo Trung Quốc Sử

Về Tự Do Nhân Quyền Theo Hiến Pháp 1982